

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SHP VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SHP VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIETNAM SHP INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0108813762

3. Ngày thành lập: 08/07/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

39, ngõ 325, đường Kim Ngưu, Phường Thanh Lương, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
2.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đầu Chi tiết: Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn; Sản xuất sản phẩm khác còn lại bằng kim loại chưa được phân vào đầu	2599
3.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
4.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
5.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
6.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
7.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển Chi tiết: Sản xuất các máy điều khiển và điều chỉnh ứng dụng tự động;	2651
8.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
9.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
10.	Sản xuất máy thông dụng khác Chi tiết: - Sản xuất tủ lạnh hoặc thiết bị làm lạnh công nghiệp. Bao gồm: Dây chuyền và linh kiện chủ yếu; - Sản xuất máy điều hòa nhiệt độ, dùng cho cả mô tô; - Sản xuất quạt không dùng cho gia đình;	2819
11.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
12.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
13.	Sản xuất máy luyện kim	2823
14.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824

15.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
16.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
17.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	2022
18.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
19.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
20.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
21.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn, Căn hộ kinh doanh, dịch vụ lưu trú ngắn ngày Nhà khách; nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú tương tự	5510
22.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
23.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
24.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
25.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
26.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
27.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
28.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
29.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
30.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
31.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
32.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
33.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
34.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
35.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
36.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (Phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
37.	Dịch vụ ăn uống khác	5629

38.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
39.	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác	2910
40.	Sản xuất thân xe ô tô và xe có động cơ khác, rơ moóc và bán rơ moóc	2920
41.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác	2930
42.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
43.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
44.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
45.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
46.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
47.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
48.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
49.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
50.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
51.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như: + Thang máy, cầu thang tự động; + Các loại cửa tự động; + Hệ thống đèn chiếu sáng; + Hệ thống hút bụi; + Hệ thống âm thanh; + Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí;	4329
52.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
53.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
54.	Bán buôn thực phẩm	4632
55.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
56.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh	4649
57.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
58.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652(Chính)
59.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
60.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
61.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
62.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
63.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933

64.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;	8299
65.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
66.	Xây dựng nhà để ở	4101
67.	Xây dựng nhà không để ở	4102
68.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
69.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
70.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
71.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
72.	Phá dỡ	4311
73.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
74.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện loại công trình san nền và dân dụng; - Giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện loại công trình dân dụng và công nghiệp; - Giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện công trình giao thông; - Thiết kế quy hoạch xây dựng; - Thiết kế kiến trúc công trình; - Thiết kế kết cấu công trình; - Thiết kế điện - cơ điện công trình; - Thiết kế cấp - thoát nước;	7110
75.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410

6. Vốn điều lệ: 1.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 100.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	BÙI THỊ LÀNH	P511-CT16, khu ĐTM Tứ Hiệp, Xã Tứ Hiệp, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	50.000	500.000.000	50,000	033185001897	
			Tổng số	50.000	500.000.000	50,000		
2	NGUYỄN THỊ THẢO NGUYỄN	1081, chung cư Công an Thanh Trì, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	40.000	400.000.000	40,000	033181004444	
			Tổng số	40.000	400.000.000	40,000		
3	ĐOÀN MẠNH SÁNG	P511-CT16, khu DDTM Tứ Hiệp, Xã Tứ Hiệp, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	10.000	100.000.000	10,000	033081001685	
			Tổng số	10.000	100.000.000	10,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: BÙI THỊ LÀNH

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc*

Sinh ngày: 01/06/1985

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 033185001897

Ngày cấp: 19/07/2016

Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *P511-CT16, khu ĐTM Tứ Hiệp, Xã Tứ Hiệp, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *P511-CT16, khu ĐTM Tứ Hiệp, Xã Tứ Hiệp, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội